



**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG DƯỢC HAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2017/TTr-HĐQT-HAI

TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 06 năm 2017

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Nông dược HAI

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông dược HAI,
- Căn cứ tình hình thực tế trong quản trị, điều hành Công ty Cổ phần Nông dược HAI,

Trên cơ sở rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Nông dược HAI (“**Công ty**”), Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 201 và tạo thuận lợi cho Công ty trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh.

Vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung được quy định tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này).

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP

(đã ký)

Doãn Văn Phương

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI
(kèm theo Tờ trình số _____/2017/TTr-HĐQT-HAI ngày ... tháng ... năm 2017)

STT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung trước khi sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi bổ sung
1.	Điểm b Khoản 1 Điều 1	Chưa có	<i>c. Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010</i>	Bổ sung thêm nội dung định nghĩa được dẫn chiếu trong Điều lệ
2.	Điểm d Khoản 1 Điều 1	d. "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.	d. "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty <i>thuộc thẩm quyền quyết định và/hoặc phê chuẩn của Hội đồng Quản trị theo quy định về quản lý nhân sự nội bộ Công ty.</i>	Bổ sung thêm cho rõ ràng, phù hợp thực tế hoạt động của Công ty
3.	Điểm e khoản 1 Điều 1	"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp	"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, <i>Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán</i>	Sửa cho phù hợp với văn bản pháp luật chứng khoán.
4.	Khoản 4 Điều 2	Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	<i>Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Công ty chỉ có một (01) người làm người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quyết nghị của Hội đồng quản trị Công ty từng thời kỳ.</i>	Sửa để đảm bảo đúng quy định pháp luật doanh nghiệp
5.	Khoản 1 Điều 3	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty	<i>Bổ sung thêm một số ngành nghề</i> theo Tờ trình số 01/2017/TTr-HĐQT-HAI	Sau khi Tờ trình số 01/2017/TTr-HĐQT-HAI ngày 13/06/2017 được Đại

STT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung trước khi sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi bổ sung
			ngày 13/06/2017	hội đồng cổ đông thông qua
6.	Khoản 2 Điều 4	Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng Quản trị phê chuẩn	Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua	Sửa cho phù hợp với quy định về thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp
7.	Khoản 1 Điều 5	Công ty ủy quyền cho Hội đồng Quản trị ...	Đại hội đồng cổ đông Công ty ủy quyền cho Hội đồng Quản trị...	Sửa cho phù hợp với quy định thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp
8.	Khoản 3 Điều 11	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 6 tháng trở lên có các quyền sau:	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:	Sửa cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014
9.	Điểm b Khoản 3 Điều 11	Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp	Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp	Sửa dẫn chiếu phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014
10.	Điểm c Khoản 3 Điều 13	c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên quy định trong Điều lệ ;	c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này	Phù hợp với Điểm b Khoản 3 Điều 136 và Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2014
11.	Điểm e Khoản 3 Điều 13	Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi	Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi	Sửa dẫn chiếu phù hợp quy định của Luật Doanh nghiệp 2014

STT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung trước khi sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi bổ sung
		phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	
12.	Điểm a Khoản 4 Điều 13	a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.	a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13	Sửa để thống nhất với quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 13
13.	Điểm b Khoản 4 Điều 13	Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp	Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp	Sửa dẫn chiếu phù hợp quy định của Luật Doanh nghiệp 2014
14.	Điểm c Khoản 4 Điều 13	Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 4b Điều 13 có quyền thay thế	Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 4b Điều 13 có quyền thay thế Hội	Sửa dẫn chiếu phù hợp quy định của Luật Doanh nghiệp 2014

STT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung trước khi sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi bổ sung
		Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.	đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp	
15.	Điểm b Khoản 2 Điều 14	Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;	Bỏ ý này	Không cần thiết và không phù hợp quy định của pháp luật doanh nghiệp
16.	Điểm l Khoản 2 Điều 14	Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	Quyết định giao dịch <i>mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35%</i> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	Sửa cho phù hợp với quy định tại Điều 144 Khoản 1 Điểm d Luật Doanh nghiệp 2014
17.	Điểm o Khoản 2 Điều 14	Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất	Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <i>Điều 162</i> của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <i>35%</i> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất	Sửa cho phù hợp với tỷ lệ quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014
18.	Khoản 3 Điều 17	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất <i>10 (mười)</i> ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông	Sửa cho phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014

STT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung trước khi sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi bổ sung
19.	Điểm b Khoản 5 Điều 17	Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng	Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng	Sửa cho phù hợp với tỷ lệ quy định tại Điều 114 Luật Doanh nghiệp
20.	Điều 20	1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có	1. Đối với trường hợp họp trực tiếp: 1.1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1.2, 1.3 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty. 1.2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi mô hình tổ chức quản lý Công ty; d. Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất; e. Việc tổ chức lại, giải thể Công ty. 1.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội	Sửa đổi cho phù hợp với Điều 144 của Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung trước khi sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi bổ sung
		quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	<i>đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.</i> <i>2. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành</i>	
21.	Khoản 6 Điều 21	Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu	Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	Sửa cho phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014 cho phép đăng thông tin Biên bản kiểm phiếu lên website thay thế cho việc gửi trực tiếp đến cổ đông
22.	Khoản 8 Điều 21	Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Bỏ nội dung này	Đã tích hợp trong Điều 20 Điều lệ sửa đổi
23.	Điều 22	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc và biên bản của công ty cũng được đăng tải trên trang web www.congtyhai.com .	<i>Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty www.congtyhai.com trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc</i>	Sửa theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2014

STT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung trước khi sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi bổ sung
24.	Điểm Khoản 3, Khoản 4 Điều 25	1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ; d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó; f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người	1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ; d. Quyết định cơ cấu tổ chức và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó; f. Đề xuất các loại cổ phiếu (bao gồm cả chứng khoán chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước) và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại. Quyết định giá cổ phiếu và các chứng khoán chuyển	Sửa theo hướng tích hợp Khoản 2 vào Khoản 1 và phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014

STT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung trước khi sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi bổ sung
		sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng Quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; l. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty. 2. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn: a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; b. Thành lập các công ty con của Công ty; c. Trong phạm vi quy định tại Điều	đổi; g. Bỏ; h. Quyết định việc phát hành và giá chào bán trái phiếu; i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng Quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành; k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; l. Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty; m. Thành lập, đầu tư góp vốn vào các công ty con, công ty liên kết của Công ty và việc mua, bán cổ phần, vốn góp của các công ty này; n. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty; o. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;	

STT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung trước khi sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi bổ sung
		108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh); d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty; e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết	p. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; q. Các Dự án đầu tư của Công ty; r. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; m. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần; n. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty. s. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; t. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật này; u. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch	

STT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung trước khi sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi bổ sung
		công nghệ; i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần; j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty. l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình	mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. v. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 2. Bổ	
25.	Khoản 3 Điều 27	Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị; c. Ban Kiểm soát.	Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của Hội đồng Quản trị; c. Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập.	Sửa cho phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014
26.	Khoản 4 Điều 27	Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 0 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có	Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 0 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc	Sửa cho phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 153

STT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung trước khi sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi bổ sung
		đề xuất hợp.	sau khi có đề xuất hợp.	Luật Doanh nghiệp 2014
27.	Khoản 7 Điều 27	Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp...	Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước khi tổ chức họp...	Sửa cho phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014
28.	Điều 28	Công ty có một Tổng Giám đốc điều hành hoặc một số Phó Tổng Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm	Bộ máy quản lý của Công ty gồm một Tổng Giám đốc điều hành, một hoặc một số Phó Tổng Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm	Sửa cho phù hợp với thực tế quản trị của Công ty
29.	Điểm e Khoản 3 Điều 30	Vào ngày 31 tháng 7 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.	Hàng năm , Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.	Sửa cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty
30.	Khoản 3 Điều 30	Không có nội dung này	Bổ sung: i. Tổng Giám đốc được quyền và có nghĩa vụ thực hiện tất cả các công việc không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ này hoặc theo văn bản ủy quyền, phân quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị Công ty.	Bổ sung thêm quyền hạn cho Tổng Giám đốc
31.	Khoản 1 Điều 32	Trưởng Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.	Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn theo quy định pháp luật hiện hành và làm việc	Sửa cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2014

STT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung trước khi sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi bổ sung
			<i>chuyên trách tại Công ty.</i>	
32.	Điều 33	Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	Sửa đổi dẫn chiếu phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp
33.	Khoản 3 Điều 33	Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người	<i>Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.</i>	Sửa cho phù hợp với quy định về quản trị công ty đại chúng
34.	Điểm a Khoản 4 Điều 35	Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất...	Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất...	Sửa cho phù hợp với quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014
35.	Điểm b Khoản 4 Điều 35	Đối với những hợp đồng có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất...	Đối với những hợp đồng có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất	Sửa cho phù hợp với quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014
36.	Khoản 1 Điều 37	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.3 và Điều 36.2 của Điều lệ này	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 của Điều lệ này	Sửa dẫn chiếu đến quy định chính xác
37.	Khoản 2 Điều 50	Tòa án kinh tế	Tòa án nhân dân có thẩm quyền	Sửa cho phù hợp với quy định pháp luật về tố tụng